

Ngày	15,000 VNĐ		
31/03/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	1.4%	15.4%	15.4%

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	10,252 - 15,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	60
Số lượng CPLH (CP)	4,012,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	15
Sở hữu nước ngoài	0.2%
Beta	0.04
EPS	606
P/E	24.8

DT thuần

Q1/24

168

tỷ VNĐ

QoQ: ▼62.0| -26.9%

YoY: ▼6.00| -3.4%

LN trước thuế

Q1/24

0.50

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 0.26| 109%

YoY: ▼0.05| -9.0%

LN sau thuế

Q1/24

0.40

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 0.17| 76.1%

YoY: ▼0.05| -10.0%

ROA

2023

1.6%

+/- YoY: ▲ 0.3%

DT thuần

2023

810

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 255| 45.9%

LN trước thuế

2023

3.02

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 0.27| 10.1%

LN sau thuế

2023

2.47

tỷ VNĐ

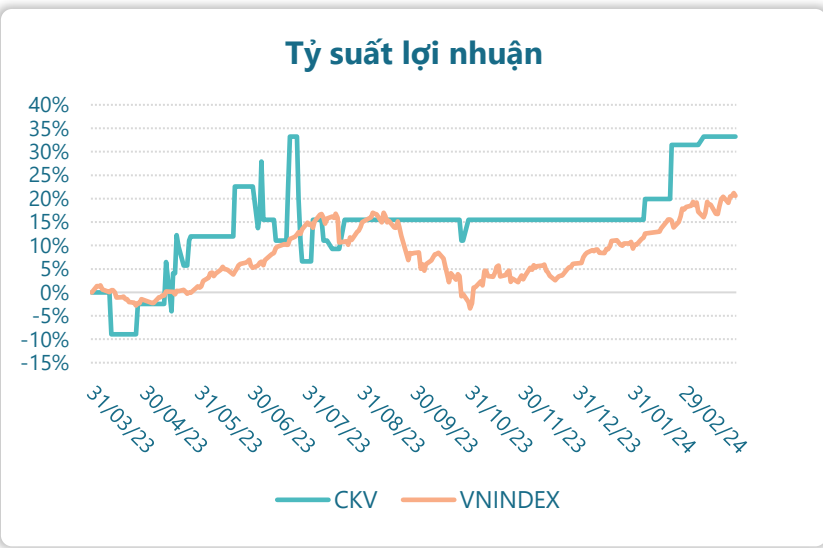
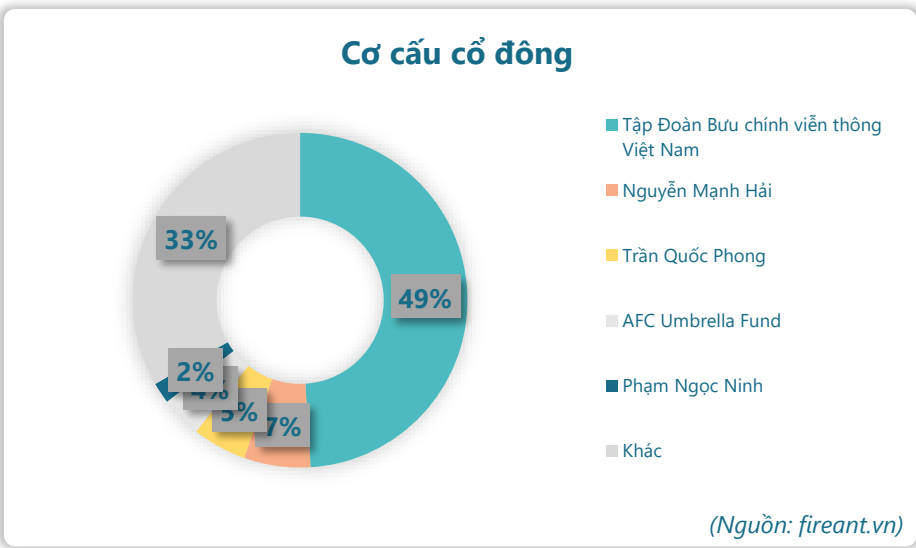
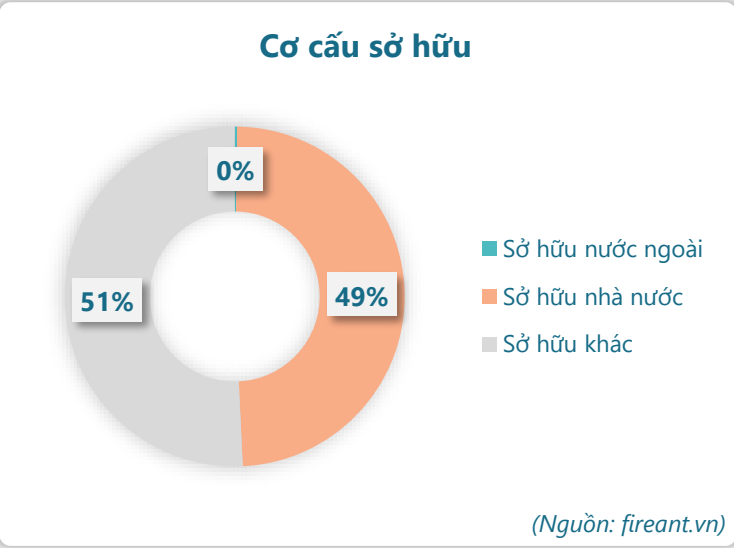
YoY: ▲ 0.31| 14.7%

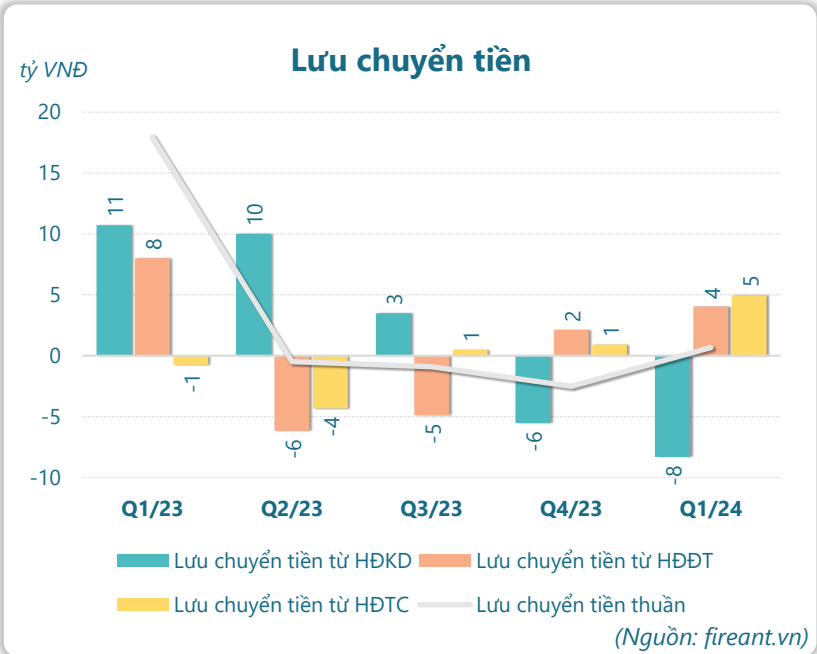
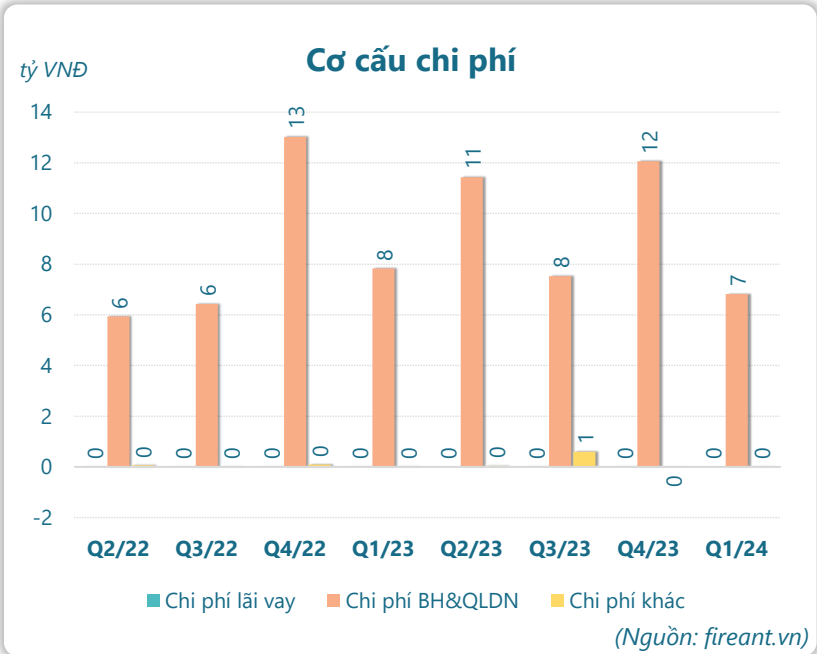
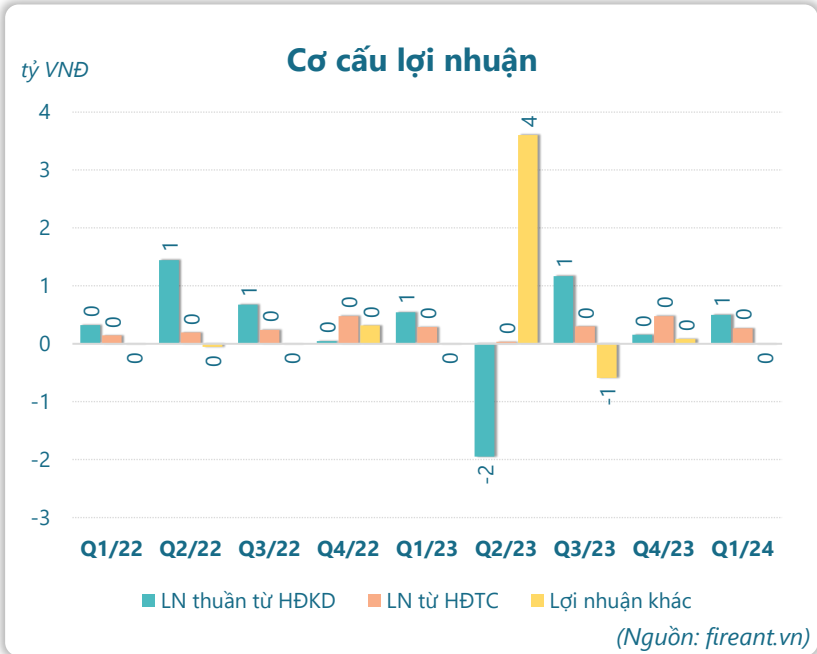
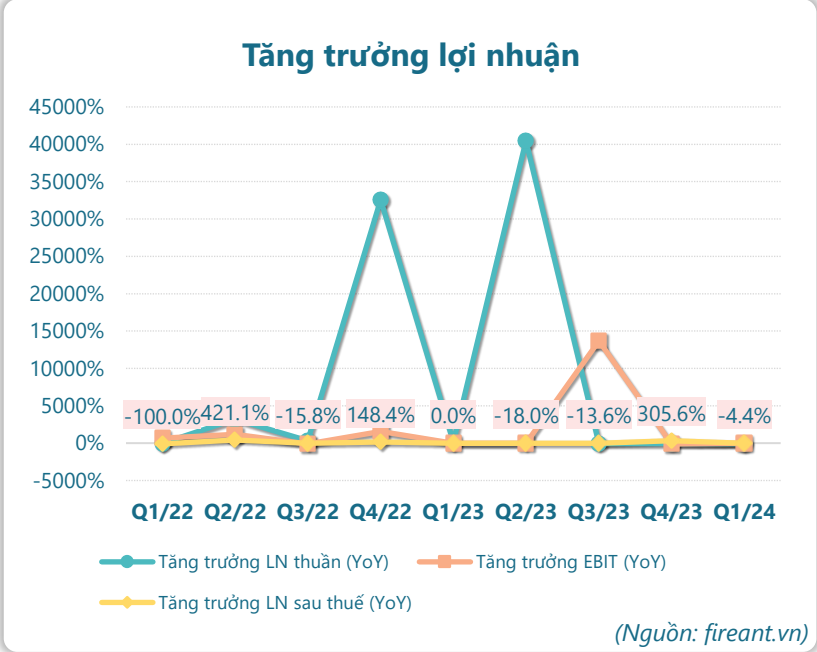
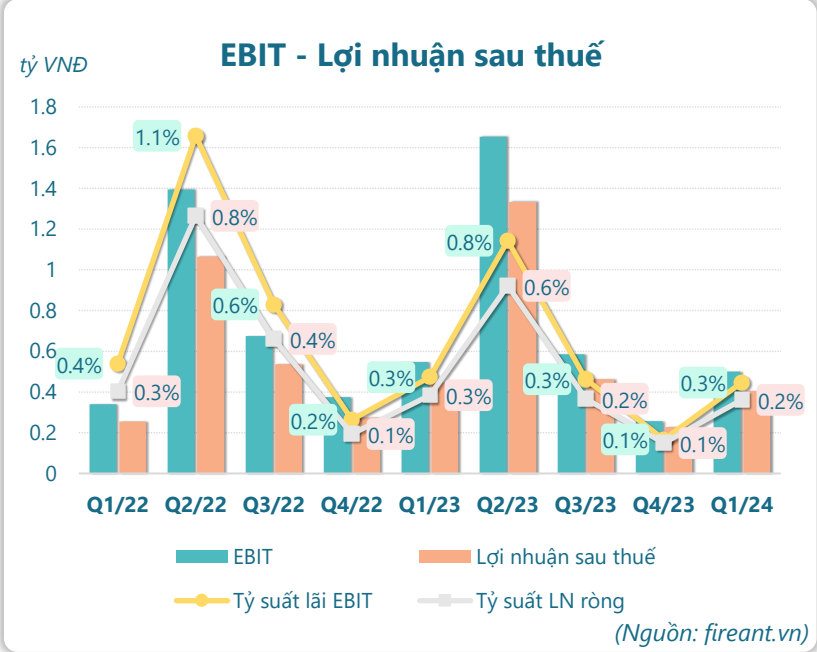
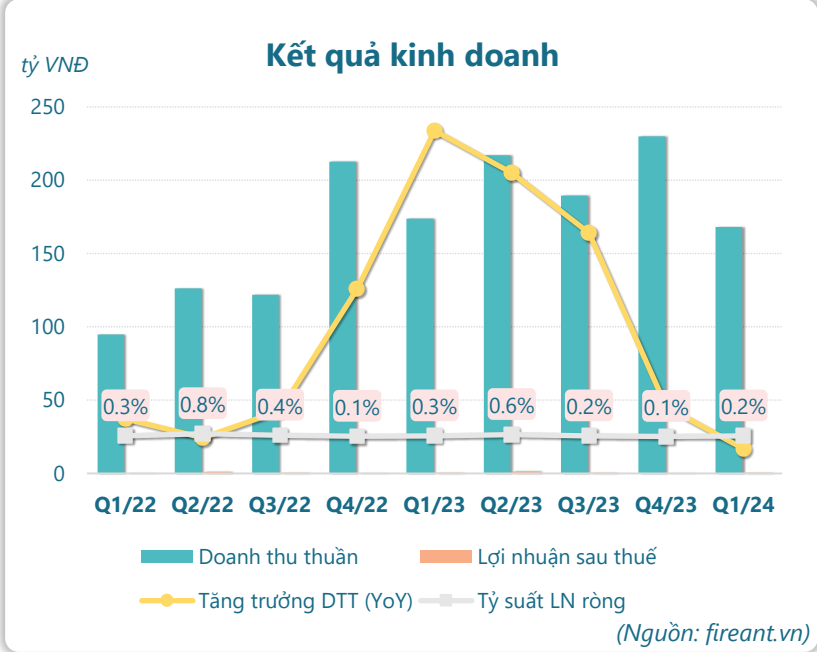
ROE

2023

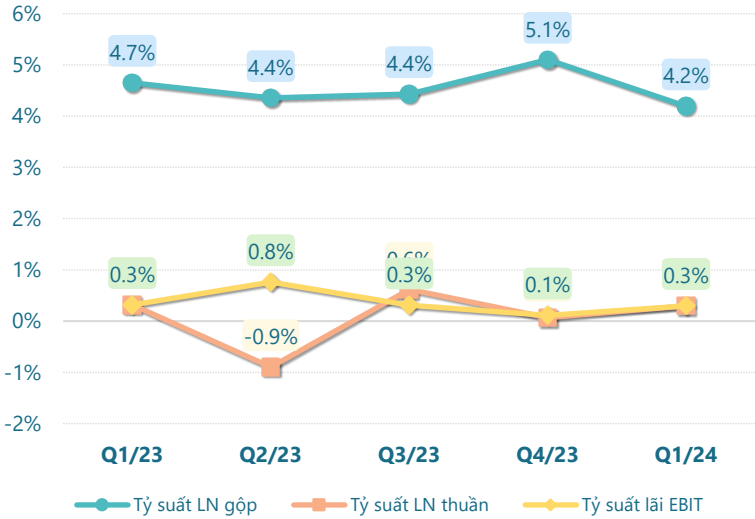
3.1%

+/- YoY: ▲ 0.4%



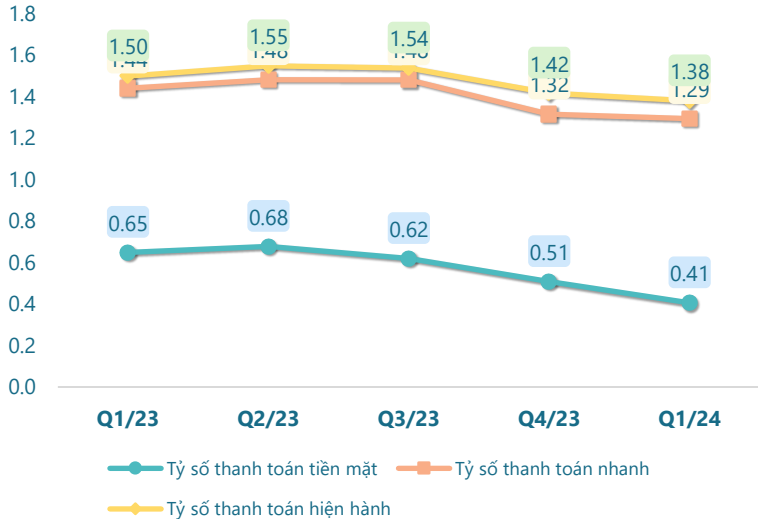


Tỷ suất lợi nhuận



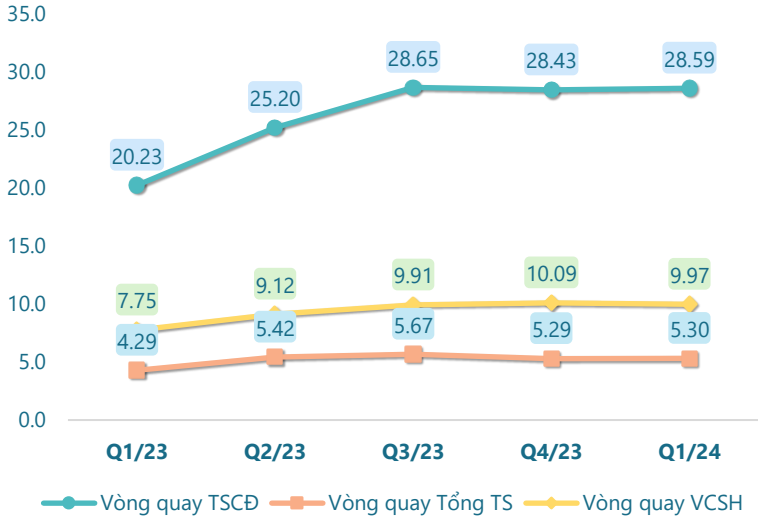
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



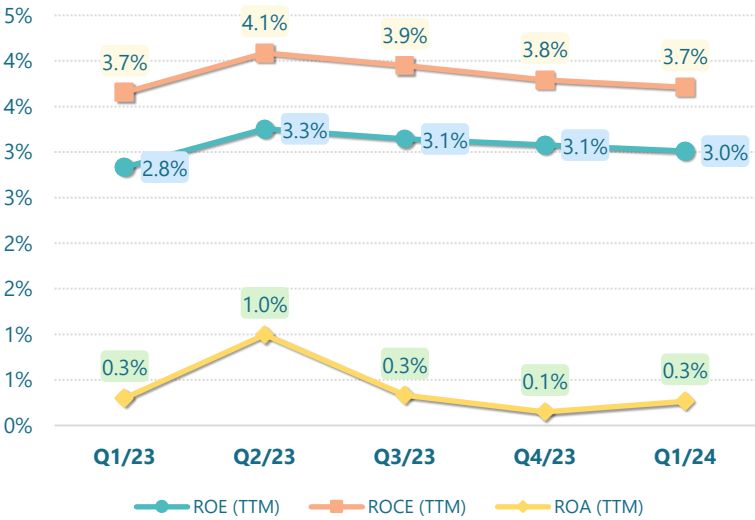
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



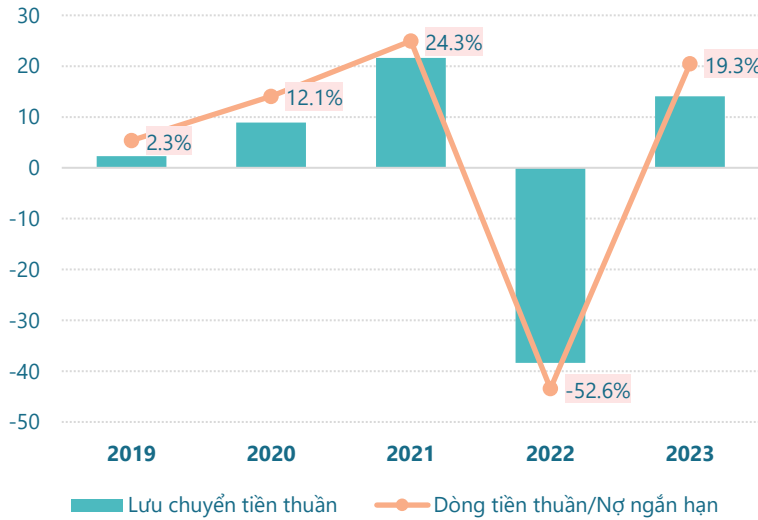
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



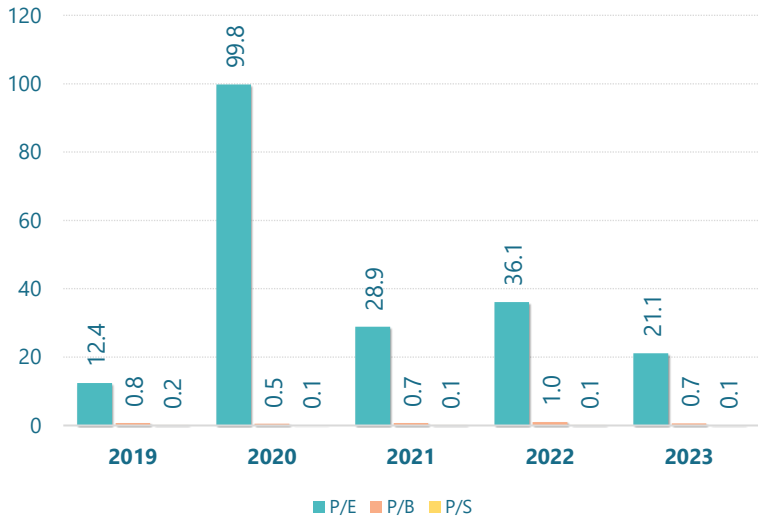
(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

Nhóm chỉ số định giá



(Nguồn: fireant.vn)